TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 16-9-2019.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Như Thủy.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Cao Hoài Hiêm;
Ông Ngô Minh Lý.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Hữu Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà*:** Ông Đặng Văn Lớn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 292/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Kim T, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp G, xã GL, huyện Tr, tỉnh TN- Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Phát A, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp L, xã GL, huyện Tr, tỉnh TN - Vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Kim T trình bày: Chị và anh A chung sống với nhau, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 03-6-2015 tại Ủy ban nhân dân xã GL, huyện Tr, tỉnh TN. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về chung sống với cha mẹ anh A tại ấp L, xã GL, huyện Tr, tỉnh TN; đến tháng 07-2017 vợ chồng về sống cùng cha mẹ chị ấp T, xã GL. Vợ chồng sống hạnh phúc đến ngày 20-10-2018 thì xảy ra mâu thuẫn do anh A không chăm lo cho gia đình, khi xảy ra mâu thuẫn anh có đánh chị và anh A bỏ về nhà cha mẹ ruột sống đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh A.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Tấn P, sinh ngày 10-07-2016, hiện đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 750.000 đồng.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lê Phát A đã được Tòa án: Tống đạt thông báo thụ lý, triệu tập hợp lệ để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh A đều cố tình vắng mặt không có lý do và không nộp văn bản ý kiến cho Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự; Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, gây khó khăn, kéo dài việc giải quyết vụ án.

2. Việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh A.
- Về con chung: Giao cháu Lê Tấn P, sinh ngày 10-07-2016 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Buộc anh A cấp dưỡng nuôi cháu P số tiền 750.000 đồng/ tháng.
- Về A sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh A đến lần thứ hai nhưng anh A vẫn cố tình vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh A là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh A tự nguyện kết hôn với nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn ngày 03-6-2015 tại Ủy ban nhân dân xã GL, huyện Tr, tỉnh TN. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2018 P sinh mâu thuẫn do trong thời gian sống chung chị T cho rằng anh A không biết chăm lo cho vợ con và có bạo hành với chị. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý, triệu tập hợp lệ anh A để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh A đều cố tình vắng mặt không có lý do và không nộp văn bản ý kiến cho Tòa án từ đó cho thấy anh A đã bỏ mặc cuộc hôn nhân của hai người, không có mong muốn được đoàn tụ. Xét mâu thuẫn giữa chị T và anh A đã đến

mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh A, nhận thấy có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Cháu Lê Tấn P, sinh ngày 10-07-2016. Xét thấy cháu P hiện đang sống cùng chị T và chị T cũng có yêu cầu được nuôi con. Để đảm bảo điều kiện sống ổn định và phát triển toàn diện cho cháu P, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu P là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Xét yêu cầu của chị T yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 750.000 đồng. Do anh A là người không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T đối với anh A.

[5] Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Anh A phải chịu án phí về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Lê Kim T đối với anh Lê Phát A. Cho ly hôn giữa chị Lê Kim T và anh Lê Phát A.

2. Về con chung:

- Giao con chung: Cháu Lê Tấn P, sinh ngày 10-07-2016 cho chị T có quyền, nghĩa vụ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục;

- Buộc anh A có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi cháu P mỗi tháng số tiền 750.000 (Bảy trăm năm mươi nghìn) đồng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị T đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017090 ngày 19-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. (Chị T đã nộp đủ án phí.)

Anh A phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

5. Quyền kháng cáo: Chị T được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- UBND xã Gia Lộc;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hà Như Thủy